

Bản án số: 145/2020/HS-ST

Ngày: 15-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng S, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 21/5/1998 tại tỉnh Q; Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 05, thị trấn T, huyện T, tỉnh Q; Chỗ ở tạm trú: Nhà số 52 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1964 (s) và bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1972 (s); Vợ, con: Chưa.

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ/tạm giam ngày 24/06/2020, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thị Cẩm V, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 04/5/1997 tại tỉnh A; Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A; Chỗ ở tạm trú: Nhà số 52 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L (c) và bà Cao Thị N(c); mẹ nuôi: Phan Thị Kim S, sinh năm 1953 (s); Chồng, con: Chưa.

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ/tạm giam ngày 24/06/2020, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1964; Trú tại: Tổ 05, thị trấn T, huyện T, tỉnh Q (*có mặt*).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Duy P, sinh năm 1973 (*vắng mặt*);

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 (*có mặt*);

+ Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2000 (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V có quan hệ yêu đương và sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ do S thuê tại nhà số 52 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ. Khoảng đầu tháng 6/2020 đến ngày 24/6/2020, do cần tiền tiêu xài, S và V đã cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời. Cụ thể:

Khoảng đầu tháng 6/2020, S mua 12 viên ma túy thuốc lắc với số tiền 3.600.000 đồng và 03 gói ma túy khay với số tiền 1.700.000 đồng/gói của người thanh niên (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) ở quán Kyoto đường Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng đem về bán lại 01 viên ma túy thuốc lắc giá 400.000 đồng/viên, 01 gói ma túy khay bán 2.000.000 đồng/gói để kiếm lời như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 6/2020, S bán 04 viên ma túy thuốc lắc với giá 1.600.000 đồng và 01 gói ma túy khay với giá 1.900.000 đồng cho người thanh niên (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) với tổng số tiền 3.500.000 đồng tại quán Kyoto đường Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng; thu lợi: 600.000 đồng.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 6/2020, S bán 02 viên ma túy thuốc lắc cho một người nước ngoài (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) tại quán Hair of the Dog với giá 800.000 đồng tại đường Trần Quốc Toàn, thành phố Đà Nẵng; thu lợi: 200.000 đồng.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 6/2020, S bán 03 viên ma túy thuốc lắc cho 01 (một) thanh niên (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) tại quán Kyoto ở đường Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng với giá 1.200.000 đồng; thu lợi: 300.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 13 giờ (*không rõ ngày*) đầu tháng 6/2020, S liên lạc nói V đem bán cho một thanh niên (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) 01 viên ma túy thuốc lắc với giá 400.000 đồng và 01 gói ma túy khay với giá 2.000.000 đồng tại số 212 đường Trần Hưng Đạo, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, V đồng ý và mang ma túy trên đi bán rồi đưa tiền lại cho S; thu lợi 400.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 23 giờ (*không rõ ngày*) giữa tháng 6/2020, S liên lạc nói V đem bán cho một thanh niên (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) 02 viên

ma túy thuốc lắc với giá 800.000 đồng và 01 gói ma túy khay với giá 2.000.000 đồng tại Công viên Biển Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; thu lợi: 500.000 đồng.

Lần 6: Khoảng giữa tháng 6/2020, S đến Cầu vượt ngã Ba Huế, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng gặp và mua của một người tên Kh (*không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ*) 01 gói ma túy khay với giá 800.000 đồng rồi đem về cất giấu tại phòng trọ. Khoảng 02 ngày sau, S tiếp tục đi đến cầu vượt ngã ba Huế mua của Kh 30 viên ma túy thuốc lắc với giá 9.000.000 đồng rồi đem về cất giấu tại phòng trọ nhằm mục đích để bán.

Đến 20 giờ ngày 24/6/2020, Thúy (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) liên lạc với S hỏi mua 10 viên ma túy thuốc lắc và hộp 5 ma túy đá khay thì S đồng ý bán với giá 400.000 đồng/01 viên thuốc lắc và hộp 5 ma túy khay giá 8.500.000 đồng và hẹn giao dịch mua bán ma túy tại bên cạnh nhà số 201 đường Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, S đi về phòng trọ lấy 10 viên ma túy thuốc lắc và 01 gói ma túy khay rồi đưa cho V cất giấu trong áo ngực rồi điều khiển xe hiệu Yamaha Luivias biển kiểm soát 76R2-7468 chở V đến bên cạnh nhà số 201 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng chờ bán ma túy cho Thúy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

V biết S mua ma túy về cất giấu để bán và đã giúp sức cho S bán ma túy 03 lần để kiếm tiền tiêu xài chung.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- Thu giữ bên trong áo ngực phải mà V mặc 01 gói nylon chứa 10 viên nén hình tấm khiên màu xanh, bên trên mặt mỗi viên nén có in hình chữ EA7 được niêm phong ký hiệu G1 và 01 gói nylon kích thước 3,5 x 4 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu G2.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luivias, màu đỏ, biển số 76R2-7468, số khung RLCL44S10AY001377, số máy: 44S1-001377.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEL: 356722089297161, gắn sim số 0901665700.

- 01 điện thoại di động Iphone màu xám bạc, số IMEL: 352046073538123, gắn sim số 0763634563.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEL: 357260091758291, gắn sim số 0342172240.

- Số tiền 10.200.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V tại phòng thứ 4 tầng 3, nhà số 52 đường Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thu giữ trên trần la phong trong phòng có 01 hộp giấy màu đen, bên trong gồm:

- 01 Gói ny lon bên trong có chứa 17 viên nén hình răng cưa màu hồng, S khai nhận là ma túy thuốc lắc S cất giấu, trên mặt viên nén có in hình vương miện được niêm phong ký hiệu G3.

- 01 gói nylon bên trong có chứa 01 viên nén hình quả dâu tây màu hồng, S khai nhận là ma túy thuốc lắc của S cất giấu, được niêm phong ký hiệu G4.

- 01 viên nén hình chiếc khiên màu xanh đậm, trên mặt có in chữ EA7, S khai nhận là ma túy thuốc lắc của S cất giấu, được niêm phong ký hiệu G5.

- 01 viên nén hình chiếc khiên màu xanh lá cây, trên một mặt có in hình con nhện, S khai nhận là ma túy thuốc lắc của S cất giấu, được niêm phong ký hiệu G6.

- 01 gói nylon kích thước 7,5 x 4cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, S khai nhận là ma túy khay của S cất giấu, được niêm phong ký hiệu G7.

- 02 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

- 01 ống hút được cuộn lại bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

- 01 miếng kim loại màu trắng dài 11cm.

- 01 hộp giấy màu đen.

- 01 cân điện tử màu trắng không rõ hiệu.

- Số tiền 50.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 208/GĐMT ngày 03/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định:

+ Các viên nén có in chữ EA7 ký hiệu G1, G5, G6 đều là ma túy MDMA và Methamphetamine, với khối lượng G1: 4,277 gam; G5: 0,405 gam; G6: 0,396 gam.

+ Các viên nén ký hiệu G3, G4 là ma túy loại MDMA có khối lượng G3: 5,901 gam; G4: 0,344 gam.

+ Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G2, G7 là ma túy loại Ketamine, khối lượng G2: 3,210 gam; G7: 2,146 gam.

Kết quả thử nước tiểu Nguyễn Hoàng S âm tính với ma túy; Võ Thị Cẩm V: dương tính với ma túy.

02 chất ma túy loại MDMA và Methamphetamine có tổng khối lượng 11,323 gam (gồm: G1, G3, G4, G5, G6); Ketamine có khối lượng 5,356 (gồm G2, G7) gam.

Tính phần trăm khối lượng chất ma túy: $(11,323: 30 \times 100\%) + (5,356: 100 \times 100\%) = 37,743\% + 5,356\% = 43,099\%$.

Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm a, b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*";

- Áp dụng điểm a, b, p khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo S với số tiền 56.500.000 đồng.

- Áp dụng điểm a, b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm V từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù.

Bị cáo V không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự:

+ *Tịch thu tiêu hủy*: Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số 208/GĐ-MT ngày 03/7/2020, có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 muống kim loại màu trắng dài 11 cm; 01 hộp giấy màu đen; 01 cân điện tử màu trắng; 02 sim số là: 0763634563 và 0901665700 mà các bị cáo S, V dùng để liên lạc mua bán ma túy.

+ *Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước*: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEL: 356722089297161 và 01 điện thoại di động Iphone màu xám bạc, số IMEL: 352046073538123 mà các bị cáo V, S dùng để liên lạc mua bán ma túy; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành 02 ống hút; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng đối với bị cáo S và bị cáo V, mỗi bị cáo đề nghị truy thu số tiền là 1.000.000 đồng.

+ *Tuyên trả lại cho các bị cáo*:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng S: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEL: 357260091758291, gắn sim số 0342172240; số tiền 57.500.000đ (*Năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*);

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Cẩm V số tiền 2.700.000 đồng;

Tuy nhiên cần tiếp tục quy trừ các tài sản là số tiền 60.2000.000 đồng (*của S là 57.500.000 đồng, V là 2.700.000 đồng*); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEL: 357260091758291, gắn sim số 0342172240 của bị cáo S để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồng T không có ý tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc đến tình tiết Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V với tình tiết phạm tội có tổ chức và áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo S là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp cho thỏa đáng, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hoàng S nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo có ăn học, bị cáo có nhận thức nhưng bị cáo làm việc ở môi trường làm đêm, làm buổi tối nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong số tiền bị cáo tiết kiệm được thì bị cáo xin được đóng cho bị cáo V; bị cáo xin lỗi gia đình; mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Võ Thị Cẩm V nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, trong thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng đầu tháng 6 năm 2020 đến ngày 24 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V đã cùng nhau nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy; trong đó, S đã 03 lần mua được 42 viên ma túy thuốc lắc và 04 gói ma túy khay; S đem bán 03 lần; V giúp sức cho S đem bán 03 lần ma túy cho những người nghiện, thu lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 208/GĐMT ngày 03/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định:

“Các viên nén màu xanh trong bì niêm phong ký hiệu G1, G5, G6 gửi giám định là ma túy, loại MDMA và Methamphetamine; khối lượng các viên nén: mẫu G1: 4,277 gam; mẫu G5: 0,405 gam; mẫu G6: 0,396 gam.

Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G2, G7 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng tinh thể: mẫu G2: 3,210 gam; mẫu G7: 2,146 gam.

Các viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G3, G4 gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng viên nén: mẫu G3: 5,901 gam; mẫu G4: 0,344 gam”.

02 chất ma túy loại MDMA và Methamphetamine có tổng khối lượng 11,323 gam (gồm: G1, G3, G4, G5, G6); Ketamine có khối lượng 5,356 (gồm: G2, G7) gam. Tính phần trăm khối lượng chất ma túy: $(11,323 : 30 \times 100\%) + (5,356 : 100 \times 100\%) = 37,743\% + 5,356\% = 43,099\%$.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 5 chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi của Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V thuộc trường hợp phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 215 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b và p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V là những thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có đầy đủ năng lực điều khiển hành vi, các bị cáo muốn có tiền để tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nhưng không chịu lao động chân chính, không chịu tu dưỡng bản thân nên các bị cáo đã phạm tội, các bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Hoàng S với vai trò là người khởi sự cũng đồng thời là người thực hành, trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện có nhu cầu mua ma túy để sử dụng; bị cáo Võ Thị Cẩm V là người giúp sức cho S, khi bị cáo S nhờ đi bán ma túy thì bị cáo V đồng ý và đã 03 lần đi bán hộ ma túy cho bị cáo S nên bị cáo V phạm tội đồng phạm với bị cáo S.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, không chỉ gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy mà còn góp phần tạo ra một lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật. Các bị cáo biết được việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm và trừng phạt nhưng vì háo lợi, các bị cáo đã xem thường các quy định của Nhà nước nên đã phạm tội. Do đó, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát để các bị cáo có

điều kiện cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Ngoài bị truy tố về tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b và tình tiết “*có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến đến o khoản này*” theo điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự thì Cáo trạng của Viện Kiểm sát còn truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V về tình tiết phạm tội “*có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy các bị cáo S và V có thuê trọ và sống chung với nhau như vợ chồng, bị cáo V có tham gia bán ma túy cho bị cáo S khi được bị cáo S nhờ, bị cáo V không biết ma túy bị cáo S mua ở đâu, số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền; các bị cáo không lên kế hoạch trước, không bàn bạc với nhau về việc bán ma túy cho ai, địa điểm nào, nên các bị cáo chỉ phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ trong việc phân công nhiệm vụ trong việc thực hiện phạm tội nên không có căn cứ để xác định các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V phạm tội thuộc trường hợp “*có tổ chức*” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố.

[3] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Hoàng S là người khởi sự, là người có vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm, bị cáo đi mua ma túy của người khác rồi đem về phòng trọ cất giấu khi có người hỏi mua thì bị cáo đã trực tiếp bán ma túy cho các con nghiện, đồng thời nhờ V đi bán hộ do đó mức hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn so với bị cáo V.

[4] Bị cáo Võ Thị Cẩm V tuy không phải là người chủ mưu cầm đầu nhưng bị cáo đã tích cực giúp S bán ma túy cho các con nghiện nên bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo S, tuy nhiên mức hình phạt của bị cáo V cần thấp hơn mức hình phạt của bị cáo S.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo Nguyễn Hoàng S lấy việc mua bán trái phép chất ma túy làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị Cẩm V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo S có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, bị cáo có việc làm, có thu nhập; gia đình vẫn chu cấp tài chính cho bị cáo; số tiền thu lợi bất chính không lớn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử thông nhất với vị đại diện Viện kiểm sát là bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt quả tang, trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V đã tự thú khai báo ra những lần mua bán ma túy trước đó; các bị cáo thành

khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo S, V được áp dụng theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo S có ông bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng danh hiệu Huân, Huy chương kháng chiến nên bị cáo S được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 251; điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Đối với bị cáo V cũng cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, tuy nhiên mức xử phạt của bị cáo V cần thấp hơn mức xử phạt của bị cáo S.

[8] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số 208/GĐ-MT ngày 03/7/2020, có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 muống kim loại màu trắng dài 11 cm; 01 hộp giấy màu đen; 01 cân điện tử màu trắng không rõ hiệu liên quan đến tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEL: 356722089297161, gắn sim số 0901665700 bị cáo V dùng để liên lạc bán ma túy và 01 điện thoại di động Iphone màu xám bạc, số IMEL: 352046073538123, gắn sim số 0763634563 bị cáo S dùng để liên lạc mua bán ma túy; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành 02 ống hút; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút là những vật chứng liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEL: 357260091758291, gắn sim số 0342172240, S dùng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng S.

- Số tiền 60.200.000 đồng; trong đó tiền cá nhân của V là 2.700.000 đồng; tiền cá nhân của S là 7.500.000 đồng; 50.000.000 đồng thu giữ của bị cáo S khi khám xét khẩn cấp không liên quan đến tội phạm nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V.

(Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê với đại diện Cơ quan Thi hành án dân sự quận Thanh Khê; Biên lai thu tiền số 007484 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).

Các tài sản trả lại cho bị cáo S và bị cáo V cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đôi 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luivias, màu đỏ, biển số 76R2-7468, số khung RLCL44S10AY001377, số máy: 44S1-001377 đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Hồng T – là cha ruột của bị cáo Nguyễn Hoàng S, không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V thừa nhận có thu lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền thu lợi bất chính, buộc mỗi bị cáo phải nộp, sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, số tiền thu lợi được từ việc bán ma túy thì bị cáo V đã đem về đưa lại cho bị cáo S nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo S số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng.

[10] Đối tượng tên Kh bán ma túy cho S và đối tượng tên Th là người hẹn mua ma túy của S nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[11] Khi bị bắt quả tang, Cơ quan Công an lập biên bản xét nghiệm chất ma túy đối với bị cáo V, xác định dương tính với chất ma túy. Cơ quan Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với bị cáo V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 09 đến 10 năm tù là quá nghiêm khắc. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo S mức hình phạt trong khung mà điều luật quy định nhưng thấp hơn mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

[14] Đối với mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Võ Thị Cẩm V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[15] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với Nguyễn Hoàng S:

Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 51; điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S: 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hoàng S số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

2. Đối với Võ Thị Cẩm V:

Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 5 Điều 51; điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Cẩm V phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm V: 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Thị Cẩm V số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tuyên:

+ *Tịch thu tiêu hủy:* Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số 208/GĐ-MT ngày 03/7/2020, có đóng dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 miếng kim loại màu trắng dài 11 cm; 01 hộp giấy màu đen; 01 cân điện tử màu trắng.

+ *Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước:* 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEL: 356722089297161, gắn sim số 0901665700 và 01 điện thoại di động Iphone màu xám bạc, số IMEL: 352046073538123, gắn sim số 0763634563; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành 02 ống hút; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút.

+ *Tuyên trả lại cho các bị cáo:*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng S: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số IMEL: 357260091758291, gắn sim số 0342172240; số tiền 57.500.000đ (*Năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*);

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Cẩm V số tiền 2.700.000 đồng;

Tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ các tài sản nêu trên của các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

(*Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê với đại diện Cơ quan Thi hành án dân sự quận Thanh Khê; Biên lai thu tiền số 007484 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*).

+ Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Hoàng S là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng S và Võ Thị Cẩm V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cơ quan CSĐT CA quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện